

KỶ THI: TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG THI: CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khoá thi: 04/06/2025

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
1	010001	1	LÊ CÔNG BẢO	Nam	25/05/2010			40	9.6	Toán	Bùi Thị Xuân				7.50	9.25	7.50	5.00
2	010002	1	NGUYỄN KIẾN BÌNH	Nam	25/08/2010			35	9.7	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		6.50	10.00	9.00	7.25
3	010003	1	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	Nam	28/08/2010			40	9.7	Toán	Số 1 Phú Cát	Ngô Mỹ			7.00	9.75	7.75	6.00
4	010004	1	NGUYỄN TRỌNG DANH	Nam	25/01/2010			40	9.7	Toán	Bùi Thị Xuân				7.00	9.00	7.00	4.25
5	010005	1	BÙI NHẬT DUY	Nam	14/03/2010			40	9.7	Toán	Số 1 An Nhơn				5.25	9.00	9.50	5.00
6	010006	1	LÊ XUÂN DƯƠNG	Nam	30/08/2010			60	9.4	Toán	Số 2 Tuy Phước				6.50	9.75	9.75	8.50
7	010007	1	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	18/09/2010			40	9.6	Toán	Ngô Lê Tân				6.75	8.25	7.50	1.00
8	010008	1	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	14/10/2010			40	9.3	Toán	Võ Lai				6.50	8.75	8.25	5.25
9	010009	1	VÕ TIẾN ĐẠT	Nam	21/09/2010			40	9.4	Toán	Số 1 Phú Cát				7.50	9.50	9.50	7.50
10	010010	1	NGUYỄN HỮU HOÀNG ĐĂNG	Nam	23/03/2010			40	9.4	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	9.75	9.25	3.75
11	010011	1	NGUYỄN PHÚC ĐĂNG	Nam	05/04/2010			60	9.8	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	9.75	9.50	8.00
12	010012	1	NGÔ QUANG ĐĂNG	Nam	30/01/2010			40	8.8	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.00	9.25	2.75
13	010013	1	ĐINH HOÀNG TIẾN ĐỨC	Nam	15/07/2010			40	9.4	Toán					6.75	8.75	9.00	4.00
14	010014	1	HUỖNH NHỰT ĐỨC	Nam	15/06/2010			40	9.1	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	9.00	9.75	6.00
15	010015	1	VŨ PHAN HẢI	Nam	10/10/2010			40	9.6	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn	6.50	10.00	9.25	7.25
16	010016	1	NGUYỄN TRẦN HOÀNG HÂN	Nữ	08/05/2010			60	9.9	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	9.75	9.50	9.00
17	010017	1	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	01/01/2010			40	8.8	Toán	Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	9.00	8.75	2.00
18	010018	1	NGUYỄN ĐỖ NHÂN HỘI	Nam	12/04/2010			40	9.1	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn	6.50	8.25	9.75	1.00
19	010019	1	MAI DIỆP HUY	Nam	27/03/2010			40	9.6	Toán	Bùi Thị Xuân				7.25	10.00	9.50	3.00
20	010020	1	HUỖNH GIA HUY	Nam	15/01/2010			50	9.7	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		7.00	9.75	9.25	8.00
21	010021	1	BÙI QUANG HUY	Nam	06/07/2010			40	9.0	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	9.00	7.75	7.00
22	010022	1	NGUYỄN THANH HÙNG	Nam	19/12/2010			35	9.8	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.50	8.75	6.00
23	010023	1	LÊ QUANG HÙNG	Nam	22/01/2010			40	9.4	Toán	Số 1 Tuy Phước				7.75	9.00	8.50	5.25
24	010024	1	MAI ĐOÀN QUỲNH HƯỜNG	Nữ	10/01/2010			40	9.9	Toán	Bùi Thị Xuân				8.00	9.50	9.75	5.75
25	010025	2	PHAN THỊ QUỲNH HƯỜNG	Nữ	08/04/2010			40	9.4	Toán	Nguyễn Diệu				7.25	8.75	9.00	5.25
26	010026	2	NGUYỄN NHƯ HƯỜNG	Nữ	15/09/2010			35	9.8	Toán	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Trường Tộ			7.50	9.50	8.25	5.00
27	010027	2	TẠ NGUYỄN KHA	Nam	02/02/2010			40	9.8	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.75	8.75	5.75
28	010028	2	PHẠM TẤN KHANG	Nam	22/03/2010			40	9.7	Toán	Hùng Vương				6.25	9.25	9.25	8.00
29	010029	2	LÊ TRƯỜNG BẢO KHANG	Nam	03/02/2010			25	9.0	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	8.75	7.50	5.25
30	010030	2	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	04/08/2010			40	8.4	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	7.75	8.75	1.25

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
31	010031	2	CHÂU VĂN KHẢ	Nam	08/01/2010			40	8.5	Toán	Số 1 Phú Cát	Ngô Mây			8.25	8.00	9.00	4.25
32	010032	2	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	10/07/2010			40	9.4	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.75	9.75	7.00
33	010033	2	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	20/02/2010			60	9.8	Toán	Nguyễn Hồng Đạo				8.25	8.25	8.50	5.25
34	010034	2	ĐẶNG NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	02/06/2010			35	8.9	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học	7.00	8.75	8.25	2.00
35	010035	2	NGUYỄN PHẠM CAO KỲ	Nam	08/12/2009			40	8.7	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn		7.00	7.75	9.25	5.75
36	010036	2	NGUYỄN BẢO LÂM	Nam	17/06/2010			50	9.8	Toán	Số 1 Phú Cát				7.25	9.75	9.25	7.50
37	010037	2	PHẠM HOÀNG LÂM	Nam	20/11/2010			50	9.2	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.50	9.75	5.75
38	010038	2	TRẦN NHẬT LÂM	Nam	12/12/2010			40	9.8	Toán	Tây Sơn				4.75	8.00	9.00	6.00
39	010039	2	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	27/07/2010			50	9.9	Toán	Số 3 Phú Cát				7.75	9.00	9.75	6.50
40	010040	2	LÊ KHẢ MINH	Nữ	13/06/2010			40	9.5	Toán	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			5.50	10.00	9.25	3.25
41	010041	2	HUỖNH NGỌC MINH	Nam	30/04/2010			40	9.8	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	9.25	9.75	7.00
42	010042	2	VÕ NGỌC ÁI	Nữ	23/03/2010			60	9.8	Toán	Số 3 Tuy Phước				7.00	10.00	9.50	7.00
43	010043	2	NGUYỄN NHẬT NAM	Nam	28/08/2010			40	9.3	Toán	Số 1 Phú Cát	Ngô Mây			6.50	9.00	8.00	6.25
44	010044	2	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NGÂN	Nữ	18/08/2010			40	9.0	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.00	9.00	5.50
45	010045	2	HUỖNH GIA NGHĨA	Nam	12/05/2010			50	9.9	Toán	Số 1 Phú Cát	Ngô Mây			8.00	9.00	9.50	5.50
46	010046	2	NGUYỄN ĐỖ MINH NGỌC	Nữ	30/10/2010			40	9.5	Toán	Nguyễn Diêu				7.75	8.00	9.25	6.00
47	010047	2	DƯƠNG HỮU NHÂN	Nam	08/04/2010			40	9.7	Toán	Số 3 Phú Cát				6.75	8.75	8.75	4.00
48	010048	2	NGUYỄN NGỌC NHÂN	Nam	20/01/2010			40	9.8	Toán	Bùi Thị Xuân				7.00	9.75	9.75	5.00
49	010049	3	HỒ MINH NHẬT	Nam	08/01/2010			40	9.7	Toán	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Trường Tộ			6.25	9.75	8.75	6.25
50	010050	3	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	19/07/2010			50	9.2	Toán	Tây Sơn				6.25	9.75	6.00	7.50
51	010051	3	HUỖNH LÊ LONG NHÌ	Nam	06/01/2010			40	9.2	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	9.50	6.50	1.25
52	010052	3	NGUYỄN HỮU MINH QUÂN	Nam	02/03/2010			40	9.1	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.75	9.25	6.50
53	010053	3	HÀ MINH QUÂN	Nam	08/06/2010			40	9.6	Toán	Số 1 Phú Cát	Ngô Mây			7.50	9.25	9.25	4.25
54	010054	3	ĐẶNG NGUYỄN TRƯỜNG QUÂN	Nam	23/01/2010			50	9.5	Toán	Nguyễn Hữu Quang				8.50	9.50	9.75	7.50
55	010055	3	LÊ NHÃ QUỲNH	Nữ	23/01/2010			35	9.4	Toán	Hùng Vương				8.25	8.75	9.25	0.25
56	010056	3	LƯƠNG TRUNG SƠN	Nam	21/08/2010			40	9.6	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn		8.75	10.00	8.25	7.50
57	010057	3	PHAN PHÚ THIÊN	Nam	16/05/2010			40	9.8	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	9.50	8.00	5.00
58	010058	3	NGUYỄN HỮU THỊNH	Nam	08/05/2010			40	9.7	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương			8.50	9.75	9.50	7.00
59	010059	3	NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	05/01/2010			40	9.7	Toán	Số 1 Phú Cát				8.50	9.75	9.00	8.00
60	010060	3	LÊ BẢO THƯ	Nữ	12/11/2010			40	9.7	Toán	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Trường Tộ			8.50	10.00	8.25	5.00
61	010061	3	NGUYỄN BẢO ANH THY	Nữ	31/05/2010			40	8.5	Toán	Số 3 Phú Cát				6.50	8.50	6.75	3.00
62	010062	3	NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	17/09/2010			40	9.0	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học	8.00	9.25	9.50	5.25
63	010063	3	NGUYỄN MINH TINH	Nam	24/01/2010			50	9.5	Toán	Vô Lai				8.00	8.75	7.00	5.50

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
64	010064	3	PHẠM MINH TRIẾT	Nam	09/10/2010			40	9.5	Toán	Số 1 Phú Cát	Ngô Mỹ			8.25	8.50	8.00	3.75
65	010065	3	LUU HOÀNG TRÍ	Nam	03/12/2010			40	9.0	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.00	9.50	9.50	6.25
66	010066	3	NGUYỄN LÂM TRƯỜNG	Nam	19/02/2010			35	9.6	Toán	Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	10.00	7.75	6.00
67	010067	3	TRẦN ĐỨC TÙNG	Nam	15/08/2010			60	9.7	Toán	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn	7.25	8.75	9.75	7.00
68	010068	3	TRẦN LÊ YẾN VY	Nữ	17/09/2010			40	9.7	Toán	Bùi Thị Xuân				7.00	9.00	7.75	2.75
69	010069	4	VÕ HOÀNG AN	Nam	17/07/2010			40	8.2	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	6.00	8.25	8.50
70	010070	4	LÊ VĂN AN	Nam	19/08/2010			40	9.5	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.50	9.50	9.50
71	010071	4	LÊ NGỌC BẢO	Nam	11/10/2010			35	8.0	Vật lí	Nguyễn Diệu				6.50	7.75	6.75	7.50
72	010072	4	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	Nam	11/11/2010			40	7.5	Vật lí	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.50	8.50	8.00	6.00
73	010073	4	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	23/01/2010			40	9.8	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	8.25	9.50	8.75
74	010074	4	NGUYỄN BẢO DUY	Nam	09/07/2010			40	8.9	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn	6.00	7.00	8.00	6.25
75	010075	4	LÊ NHẬT DUY	Nam	15/11/2010			50	8.5	Vật lí	Số 1 Tuy Phước				8.00	9.75	7.50	8.75
76	010076	4	NGUYỄN TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	31/07/2010			40	9.1	Vật lí	Võ Lai				7.50	8.00	8.00	9.75
77	010077	4	VÕ THẾ HÀO	Nam	10/03/2010			40	9.3	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.00	8.25	8.50
78	010078	4	PHAN NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	19/05/2010			40	9.7	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	8.00	9.25	9.00
79	010079	4	NGUYỄN HOÀNG QUANG HUY	Nam	31/10/2010			35	9.1	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	8.50	9.50	8.25
80	010080	4	VÕ NAM QUỐC HUY	Nam	16/07/2010			30	7.5	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương			8.50	7.75	8.00	8.00
81	010081	4	TRẦN NGUYỄN QUỐC HUNG	Nam	07/05/2010			40	8.4	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	8.50	9.00	5.00
82	010082	4	NGUYỄN PHẠM VINH KHANG	Nam	27/07/2010			40	9.8	Vật lí	Võ Lai				7.50	7.50	9.00	7.75
83	010083	4	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	31/01/2010			35	8.5	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	8.50	7.25	7.50
84	010084	4	TRẦN QUANG KHẢI	Nam	16/09/2010			35	9.1	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.25	9.75	9.75
85	010085	4	ĐẶNG ANH KHOA	Nam	15/05/2010			60	9.4	Vật lí	Số 3 Tuy Phước				7.25	8.00	8.50	8.50
86	010086	4	TRƯỜNG ÁI KIÊN	Nam	08/12/2010			40	9.6	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.75	9.75	9.00
87	010087	4	LUU GIA KIẾT	Nam	04/10/2010			40	9.7	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.75	8.50	7.50
88	010088	4	ĐẶNG THANH LIÊM	Nam	01/01/2010			40	9.0	Vật lí	Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.75	6.50	4.75	7.00
89	010089	4	VÕ HOÀNG LỊCH	Nam	07/07/2010			40	9.0	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.00	8.25	5.00
90	010090	4	NGUYỄN BÁ THĂNG LONG	Nam	11/10/2010			40	8.9	Vật lí	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			8.00	7.75	7.25	9.25
91	010091	4	NGÔ TUỆ MINH	Nữ	26/09/2010			35	9.4	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	7.50	8.50	6.50
92	010092	4	LÊ BẢO NAM	Nam	24/05/2010			55	9.0	Vật lí	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			8.00	9.00	7.00	9.25
93	010093	5	HUỲNH NGUYỄN NHẬT NAM	Nam	31/01/2010			40	9.7	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	9.00	9.00	9.00
94	010094	5	VÕ THANH NGÂN	Nữ	19/06/2010			40	9.7	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	9.00	8.25	8.25
95	010095	5	TRẦN ĐÌNH THANH	Nam	24/01/2010			40	8.9	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn		8.00	6.75	9.75	8.25
96	010096	5	LÊ TIẾN THỊNH	Nam	29/01/2010			60	9.0	Vật lí	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.00	8.75	9.00	9.50

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
97	010097	5	NGUYỄN VŨ ANH	THƯ	Nữ	05/03/2010			40	9.5	Vật lí	Số 3 An Nhơn				7.75	6.50	8.00	6.50
98	010098	5	PHẠM ĐỖ VIỆT	TIẾN	Nam	17/04/2010			40	8.0	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	6.50	7.50	8.25	7.75
99	010099	5	NGUYỄN THÀNH	TÍN	Nam	07/05/2010			40	9.9	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	8.75	9.75	9.50
100	010100	5	LÝ VINH	TÍN	Nam	03/06/2010			25	8.3	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	7.75	7.25	5.75
101	010101	5	NGUYỄN ĐÌNH KHẢ	TRẦN	Nữ	27/04/2010			40	9.6	Vật lí	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn			7.00	8.25	9.00	9.25
102	010102	5	NGUYỄN HỒNG	YẾN	Nữ	19/10/2010			40	9.8	Vật lí					7.00	8.00	8.25	8.50
103	010103	6	PHAN ĐOÀN	AN	Nam	13/03/2010			60	9.5	Hoá	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.50	8.50	9.75	8.25
104	010104	6	HÀ QUẾ	CHI	Nữ	07/11/2010			40	9.2	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	8.75	9.50	7.50
105	010105	6	NGUYỄN THIÊN	CHÍ	Nam	20/06/2010			40	9.1	Hoá	Bùi Thị Xuân				7.50	8.25	6.75	7.00
106	010106	6	NGUYỄN LƯƠNG THÀNH	DANH	Nam	08/08/2010			40	9.4	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.00	8.25	7.25
107	010107	6	NGUYỄN THỊ KIỀU	DUYÊN	Nữ	27/02/2010			40	9.5	Hoá	Bùi Thị Xuân				7.75	7.50	8.75	1.75
108	010108	6	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	Nam	04/01/2010			80	9.7	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	10.00	9.75	9.50
109	010109	6	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	Nam	21/04/2010			40	9.6	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	8.50	8.25	7.25
110	010110	6	HỒ PHẠM KHÁNH	HÀ	Nữ	16/10/2010			60	9.9	Hoá	Hòa Bình				7.50	8.50	8.75	9.00
111	010111	6	TRẦN NGỌC	HÂN	Nữ	03/02/2010			50	9.8	Hoá	Nguyễn Hồng Đạo				8.50	8.50	8.75	8.25
112	010112	6	VÕ KHẮC	HOÀNG	Nam	19/09/2010			40	9.7	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			8.50	8.75	9.75	8.50
113	010113	6	HÀ MINH	HUY	Nam	11/01/2010			40	9.8	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	7.75	9.25	7.00
114	010114	6	HUỲNH NGUYỄN	HÙNG	Nam	13/02/2010			40	9.0	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	7.75	8.50	7.75
115	010115	6	DƯƠNG TRẦN QUỐC	HÙNG	Nam	05/01/2010			50	9.9	Hoá	Số 1 Phú Cát	Ngô Mây			8.50	8.50	8.50	6.50
116	010116	6	PHAN QUỲNH	HƯỜNG	Nữ	24/01/2010			40	9.7	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	9.25	8.75	8.50
117	010117	6	NGUYỄN MINH	KHANG	Nam	24/06/2010			35	9.4	Hoá	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.00	9.00	8.00	7.50
118	010118	6	VÕ MINH	KHANG	Nam	04/12/2010			40	9.5	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.50	9.50	8.25
119	010119	6	NGUYỄN THANH	KHOA	Nam	02/12/2010			55	9.2	Hoá	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.50	8.50	9.50	8.25
120	010120	6	ĐỖ NGỌC BẢO	LINH	Nữ	05/12/2010			40	9.7	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.50	9.50	6.00
121	010121	6	NGUYỄN MINH	LONG	Nam	03/03/2010			40	8.5	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	7.75	8.00	9.75	6.75
122	010122	6	NGUYỄN XUÂN	LỘC	Nam	02/01/2010			70	9.8	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.00	9.25	9.25
123	010123	6	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	Nam	10/09/2010			40	9.4	Hoá	Số 3 Phú Cát				6.50	9.00	9.25	6.50
124	010124	6	VÕ DƯƠNG HÀ	MY	Nữ	06/06/2010			40	9.2	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.00	8.75	5.50
125	010125	6	NGUYỄN VÕ AN	NA	Nữ	08/08/2010			40	9.5	Hoá					7.50	7.00	7.25	5.00
126	010126	6	NGUYỄN HOÀNG THANH	NGÂN	Nữ	09/08/2010			40	9.5	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	7.50	9.50	7.50
127	010127	7	TRẦN KHÁNH	NGÂN	Nữ	25/04/2010			40	9.4	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	7.50	9.50	7.75
128	010128	7	NGUYỄN NỮ BẢO	NGÂN	Nữ	04/09/2010			40	8.2	Hoá	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.50	6.25	5.75	3.50
129	010129	7	HỒ PHẠM THY	NGÂN	Nữ	16/10/2010			70	9.8	Hoá	Hòa Bình				7.75	8.00	7.75	8.25

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
130	010130	7	NGUYỄN ĐÀO GIA	NGHI	Nữ	25/04/2010			40	9.8	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	8.00	9.75	9.25
131	010131	7	TRẦN KHÁNH	NGỌC	Nữ	25/04/2010			40	9.7	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	8.25	9.75	8.25
132	010132	7	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	Nữ	23/06/2010			40	9.1	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	10.00	9.50	8.00
133	010133	7	ĐINH TRẦN BẢO	NGỌC	Nữ	22/06/2010			60	9.0	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn	7.50	10.00	9.25	8.75
134	010134	7	PHÙNG HOÀNG	NGUYỄN	Nam	12/06/2010			25	9.5	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	8.25	8.00	8.25
135	010135	7	VŨ LÂM	NGUYỄN	Nam	18/05/2010			60	9.9	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.75	9.50	9.25
136	010136	7	TRẦN HOÀNG BẢO	NHI	Nữ	02/06/2010			60	10.0	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	10.00	9.50	9.25
137	010137	7	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	16/08/2010			25	8.7	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học		7.50	8.25	7.00	2.75
138	010138	7	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	PHƯƠNG	Nữ	10/07/2010			50	9.3	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	7.00	9.25	9.00
139	010139	7	PHAN NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	Nữ	04/03/2010			40	9.7	Hoá	Số 1 Phú Cát	Ngo Mây			8.50	8.50	9.25	6.75
140	010140	7	NGUYỄN PHÚC MINH	QUÂN	Nam	05/10/2010			45	9.0	Hoá	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Trường Tộ			7.00	8.25	7.75	7.25
141	010141	8	NGUYỄN PHÚ	QUỐC	Nam	16/08/2010			60	9.8	Hoá	Số 3 Phú Cát				8.25	10.00	9.00	8.75
142	010142	8	NGUYỄN PHÚC UYÊN	THẢO	Nữ	18/11/2010			40	8.9	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		7.50	8.50	9.00	6.75
143	010143	8	NGUYỄN VIỆT	THI	Nữ	13/12/2010			40	9.1	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	7.25	9.50	6.00
144	010144	8	LÝ TRẦN BẢO	THIÊN	Nam	14/09/2010			30	8.3	Hoá	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			7.50	5.75	7.00	6.00
145	010145	8	NGUYỄN ĐỖ ANH	THƯ	Nữ	29/05/2010			50	8.7	Hoá	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			7.50	8.50	9.25	9.25
146	010146	8	ĐOÀN PHAN KHÁNH	THƯ	Nữ	28/03/2010			40	8.9	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	7.00	8.75	5.75
147	010147	8	TRẦN TRỌNG	TOÀN	Nam	01/04/2010			60	9.3	Hoá	Nguyễn Hồng Đạo				7.50	7.50	9.00	7.50
148	010148	8	TRẦN ĐỨC	TRỌNG	Nam	16/07/2010			40	9.5	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	9.25	9.25	9.50
149	010149	8	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRỌNG	Nam	22/09/2010			40	9.6	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.25	9.75	8.00
150	010150	8	NGUYỄN ĐÌNH	TUẤN	Nam	05/10/2010			40	8.7	Hoá	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.00	8.25	8.50	7.00
151	010151	8	TRẦN MI	VÂN	Nữ	14/04/2010			40	8.7	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	8.25	9.75	6.50
152	010152	8	TRẦN LONG	VŨ	Nam	13/09/2010			40	9.4	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	8.50	9.25	4.50
153	010153	8	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	VY	Nữ	09/11/2010			40	9.3	Hoá	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		8.25	9.25	9.25	7.00
154	010154	9	NGUYỄN NHẢ	BĂNG	Nữ	01/02/2010			50	9.0	Sinh	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			8.25	9.50	7.50	8.50
155	010155	9	PHAN HÀ MỘNG	CẨM	Nữ	22/03/2010			40		Sinh	Hùng Vương				8.00	6.75	8.25	4.00
156	010156	9	TRẦN ĐOÀN BẢO	CHÂU	Nữ	13/09/2010			40	9.2	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	7.25	6.25	8.25
157	010157	9	PHAN HOÀNG BẢO	CHÂU	Nữ	14/02/2010			40	9.4	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.50	9.25	8.50
158	010158	9	NGÔ LÊ NGỌC	DIỆP	Nữ	03/02/2010			40	9.4	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	9.25	9.75	9.00
159	010159	9	TRẦN NGUYỄN MỸ	DUNG	Nữ	09/02/2010			45	9.2	Sinh	Số 1 Tuy Phước				8.00	8.75	8.75	9.00
160	010160	9	LÊ NGỌC	DUY	Nam	13/06/2010			40	9.5	Sinh					KT	KT	KT	-1.00
161	010161	9	ĐỖ LÊ MỸ	DUYÊN	Nữ	09/10/2010			40	9.0	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.25	7.25	8.75	6.00
162	010162	9	NGUYỄN DIỆP HOÀNG	GIANG	Nữ	04/09/2010			15	8.4	Sinh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			6.25	6.75	7.50	7.00

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
163	010163	9	PHẠM NGUYỄN GIÁP	Nam	12/03/2010			40	9.3	Sinh	Số 1 Tuy Phước				7.50	8.25	8.75	8.50
164	010164	9	LÊ VŨ HÀ	Nữ	02/05/2010			40	8.8	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	9.75	9.25	8.25
165	010165	9	LÂM BẢO HÂN	Nữ	26/03/2010			40	9.8	Sinh					7.75	7.00	7.75	6.25
166	010166	9	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	Nữ	25/12/2010			25	8.9	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		8.00	7.25	9.00	7.00
167	010167	9	NGUYỄN MAI BẢO KHÁNH	Nữ	01/06/2010			40	9.3	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.25	8.25	8.75	5.50
168	010168	9	MAI XUÂN THÁI ANH	Nam	16/01/2010			40	9.3	Sinh	Hùng Vương				7.00	8.25	8.25	5.00
169	010169	9	NGUYỄN MAI THÙY LÂM	Nữ	05/01/2010			35	8.5	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	7.00	8.25	5.00
170	010170	9	NGUYỄN HÀ TRÚC LINH	Nữ	17/01/2010			40	8.5	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.50	7.00	9.00	5.50
171	010171	9	TRẦN NGỌC BẢO LINH	Nữ	23/09/2010			25	9.2	Sinh	Bùi Thị Xuân				8.00	7.50	6.50	7.25
172	010172	9	VŨ NGUYỆT LINH	Nữ	28/11/2010			40	8.6	Sinh	Vô Lai				6.50	7.00	6.75	6.00
173	010173	9	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	14/08/2010			25	9.4	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	7.00	8.00	5.25
174	010174	9	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	15/01/2010			35	8.5	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	7.25	8.00	5.75
175	010175	9	NGUYỄN THỊ HÀ MY	Nữ	29/06/2010			40	9.5	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.25	6.75	8.50	4.00
176	010176	9	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	25/09/2010			40	9.3	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.50	7.25	9.00
177	010177	9	TRẦN ĐOÀN BẢO NGỌC	Nữ	13/09/2010			40	9.4	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.25	8.50	9.00	8.00
178	010178	10	HỒ MINH NGỌC	Nữ	25/11/2010			40	9.2	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	8.00	8.50	7.75	5.25
179	010179	10	ĐỖ NGUYỄN UYÊN NHÃ	Nữ	29/05/2010			40	7.8	Sinh	Số 1 Phù Cát	Ngô Mây			7.50	5.00	9.00	3.50
180	010180	10	PHẠM QUANG NHẬT	Nam	19/01/2010			40	9.5	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	9.00	8.50	7.25
181	010181	10	LÊ THẢO NHI	Nữ	01/09/2010			40	9.0	Sinh	Bùi Thị Xuân				8.00	7.75	8.50	8.50
182	010182	10	PHẠM THÙY NHƯ	Nữ	21/01/2010			40	9.5	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn			8.25	10.00	9.00	8.25
183	010183	10	LÊ HỒNG THIÊN PHƯỚC	Nữ	22/01/2010			40	9.4	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	7.50	7.50	8.75	5.75
184	010184	10	VĂN THỰC QUYÊN	Nữ	07/05/2010			35	8.4	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	7.50	8.75	6.00
185	010185	10	NGUYỄN TRẦN LÊ TÂM	Nam	02/02/2010			40	8.4	Sinh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			6.25	8.00	9.25	7.00
186	010186	10	TRƯỜNG ĐỖ MINH TÂY	Nam	12/10/2010			40	9.3	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.25	8.75	6.50
187	010187	10	TRẦN LÊ NGUYỄN THẢO	Nữ	29/11/2010			40	9.7	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.00	8.50	6.75	6.25
188	010188	10	LÊ NGUYỄN KHÁNH TOÀN	Nam	21/03/2010			40	9.5	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	8.00	6.50	6.00
189	010189	10	HUỲNH THỊ THÙY TRANG	Nữ	16/10/2010			40	9.4	Sinh	Trung Vương	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	9.25	8.50	9.50
190	010190	10	PHẠM GIA TUÂN	Nam	16/01/2010			35	9.2	Sinh	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		7.00	7.25	6.75	6.25
191	010191	10	PHAN GIA CÁT TUÔNG	Nữ	28/04/2010			40	8.8	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương		6.00	7.00	8.75	7.25
192	010192	10	PHẠM THỰC UYÊN	Nữ	17/06/2010			15	8.0	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	6.75	8.50	5.00
193	010193	10	PHAN VŨ	Nam	04/03/2010			40	9.0	Sinh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.00	8.25	8.25	3.50
194	010194	11	PHAN TẤT HẢI AN	Nam	22/10/2010			35	9.0	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.00	9.75	7.75
195	010195	11	ĐUỒNG HẠC BÁCH	Nam	23/03/2010			40	9.1	Tin	Bùi Thị Xuân				7.50	8.00	9.75	5.00

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
196	010196	11	TỪ THANH BÌNH	Nam	01/11/2010			40	9.1	Tin	Nguyễn Hồng Đạo				7.00	10.00	9.00	7.00
197	010197	11	HỒ HỒNG CHÂU	Nam	25/01/2010			40	9.7	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.00	9.25	6.75
198	010198	11	VÕ NGUYỄN ĐẠT	Nam	24/03/2010			40	9.1	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.75	8.25	6.75
199	010199	11	HOÀNG VĂN ĐẠT	Nam	23/08/2010			40	9.2	Tin	Hùng Vương				7.25	8.25	9.50	4.25
200	010200	11	CAO TUẤN HẢI	Nam	01/09/2010			40	7.6	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.75	7.75	8.00
201	010201	11	BÙI CHÍ HOÀNG	Nam	04/04/2010			35	9.3	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	9.00	9.50	7.25
202	010202	11	NGUYỄN THANH HOÀNG	Nam	16/03/2010			40	9.2	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.00	9.75	8.00
203	010203	11	NGUYỄN XUÂN HUY	Nam	06/08/2010			40	9.7	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	8.75	9.75	7.00
204	010204	11	NGUYỄN PHẠM VIỆT HÙNG	Nam	05/12/2010			40	9.6	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	8.75	9.75	8.25
205	010205	11	MAI HỮU KHA	Nam	10/01/2010			40	9.3	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	10.00	9.50	8.50
206	010206	11	PHAN BẢO KHANG	Nam	22/03/2010			15	8.7	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	10.00	8.75	7.75
207	010207	11	NGUYỄN LÊ VINH KHANG	Nam	15/04/2010			40	9.0	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.50	9.25	5.50
208	010208	11	LÊ VINH KHANG	Nam	26/04/2010			40	9.2	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	9.00	9.75	8.00
209	010209	11	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	10/05/2010			40	9.4	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	10.00	9.75	8.50
210	010210	11	ĐẶNG PHẠM ĐĂNG KHOA	Nam	13/03/2010			40	7.8	Tin	Số 1 Tuy Phước				5.75	5.75	9.25	1.75
211	010211	11	ĐINH NGUYỄN AN KHÔI	Nam	29/04/2010			40	9.4	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.00	9.50	7.25
212	010212	11	NGUYỄN QUANG KHÔI	Nam	12/01/2010			40	9.4	Tin	Số 1 Phù Cát	Ngô Mây			7.25	8.25	8.75	5.75
213	010213	11	TRẦN TRUNG KIẾN	Nam	03/01/2010			40	8.3	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	10.00	7.75	7.50
214	010214	11	THÂN TUẤN KIẾT	Nam	06/03/2010			40	9.4	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	8.75	8.75	7.00
215	010215	11	TRẦN TUẤN KIẾT	Nam	20/11/2010			40	9.2	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	10.00	9.50	8.25
216	010216	11	VÕ THANH LÂM	Nam	13/08/2010			40	9.1	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	10.00	9.25	8.00
217	010217	11	NGUYỄN THANH LIÊM	Nam	06/10/2010			35	8.9	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.00	8.75	7.75
218	010218	12	TRƯỜNG KHÁNH LINH	Nữ	15/08/2010			40	9.5	Tin	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			6.50	10.00	7.00	8.50
219	010219	12	LÊ THỊ THẢO LOAN	Nữ	26/04/2010			40	9.5	Tin	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			7.00	8.00	9.00	6.00
220	010220	12	MAI NGUYỄN LONG	Nam	23/01/2010			60	9.6	Tin	Nguyễn Hữu Quang				6.00	8.25	8.00	5.75
221	010221	12	TRẦN VŨ LUẬN	Nam	30/05/2010			30	8.2	Tin	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		6.00	7.75	8.00	3.50
222	010222	12	NGUYỄN DANH MINH	Nam	04/02/2010			40	8.7	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.50	8.50	9.25	5.75
223	010223	12	PHAN QUANG MINH	Nam	04/11/2010			40	9.6	Tin	Bùi Thị Xuân				5.75	9.00	9.75	7.75
224	010224	12	PHẠM LÊ NAM	Nam	09/02/2010			40	9.1	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	9.25	9.75	7.00
225	010225	12	DƯƠNG KHÁNH NGÂN	Nữ	09/02/2010			40	8.7	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	8.50	7.50	7.50
226	010226	12	PHẠM BÙI CÔNG NGHĨA	Nam	30/04/2010			40	9.0	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.50	9.00	7.00
227	010227	12	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	06/01/2010			40	9.1	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	9.50	9.75	6.25
228	010228	12	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	25/10/2010			40	8.4	Tin	Hùng Vương				6.75	9.00	9.25	7.00

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
229	010229	12	PHAN KHÁNH	NGỌC	Nữ	05/09/2010			40	9.3	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.00	9.00	7.50
230	010230	12	BÙI	NGUYỄN	Nam	03/10/2010			40	9.1	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	9.50	9.25	7.50
231	010231	12	PHAN MINH	NGUYỄN	Nam	13/09/2010			40	9.5	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	9.00	9.75	8.00
232	010232	12	LÊ PHƯỚC	NGUYỄN	Nam	21/07/2010			40	9.3	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	10.00	9.50	7.75
233	010233	12	NGUYỄN LÊ	NHÃ	Nam	09/06/2010			40	8.7	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	9.50	8.25	5.25
234	010234	12	NGUYỄN LÊ MINH	PHÁT	Nam	20/01/2010			40	9.5	Tin	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			8.00	8.50	9.00	7.25
235	010235	12	PHẠM TẤN	PHÁT	Nam	04/06/2010			40	8.6	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.50	9.50	6.25
236	010236	12	TRẦN NAM	PHONG	Nam	06/10/2010			40	9.3	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.00	8.00	5.75
237	010237	12	NGUYỄN GIA	PHÚ	Nam	17/02/2010			40	9.3	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	10.00	9.50	6.25
238	010238	12	TRẦN NGUYỄN	PHÚ	Nam	19/10/2010			40	9.5	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	10.00	9.50	7.50
239	010239	12	NGÔ HOÀNG	PHÚC	Nam	25/01/2010			40	9.8	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	10.00	9.75	8.50
240	010240	12	HUỲNH NHÃ	PHƯƠNG	Nữ	16/04/2010			40	9.2	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn	8.00	8.75	9.25	7.00
241	010241	12	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	Nam	02/07/2010			40	9.2	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		7.75	9.25	9.75	7.25
242	010242	13	NGUYỄN LÊ HOÀNG	PHƯỚC	Nam	05/04/2010			15	8.6	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	7.75	6.75	3.25
243	010243	13	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	Nam	18/03/2010			40	9.1	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.25	8.75	9.25	9.50
244	010244	13	TRẦN THIÊN	PHƯỚC	Nam	09/09/2010			40	8.1	Tin	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			6.75	9.75	9.25	3.25
245	010245	13	PHẠM ĐẶNG ANH	QUÂN	Nam	17/12/2010			40	9.6	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	9.75	9.25	8.00
246	010246	13	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	Nam	17/01/2010			40	9.0	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	9.00	8.25	5.75
247	010247	13	HOÀNG ANH	QUỐC	Nam	17/09/2010			40	9.5	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	10.00	9.25	7.75
248	010248	13	NGUYỄN LÊ CHÍ	THÀNH	Nam	05/05/2010			40	9.5	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	8.50	8.25	6.00
249	010249	13	TRẦN MINH	THÀNH	Nam	19/04/2010			40	9.4	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	10.00	9.75	7.25
250	010250	13	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	THẢO	Nữ	10/10/2010			40	9.2	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.75	8.75	4.75
251	010251	13	CHÂU MỸ	THÂN	Nữ	13/01/2010			35	8.0	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	7.50	9.25	5.75
252	010252	13	BÙI PHÚ	THIÊN	Nam	04/06/2010			40	9.4	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.00	8.25	9.50	7.00
253	010253	13	PHẠM HỮU PHƯỚC	THIỆN	Nam	04/11/2010			40	8.9	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	9.00	9.75	8.00
254	010254	13	PHẠM LÊ QUANG	THỊNH	Nam	18/07/2010			35	8.7	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.00	8.25	8.50	6.75
255	010255	13	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	Nam	15/01/2010			40	9.2	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.00	8.50	9.00	7.50
256	010256	13	LÂM NGUYỄN NGUYỄN	THY	Nữ	13/10/2010			15	9.0	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	6.25	8.75	9.00	5.75
257	010257	13	ĐỒNG CHÍ	TRUNG	Nam	01/01/2010			50	9.6	Tin	Nguyễn Hữu Quang				6.00	8.50	9.75	6.00
258	010258	13	TRẦN LƯƠNG NHƯ	VÂN	Nam	15/09/2010			35	8.4	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.50	9.75	5.50
259	010259	13	NGUYỄN ĐỨC	VIỆT	Nam	14/01/2010			25	8.9	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	8.50	9.50	6.00
260	010260	13	NGUYỄN THI HÀ	VY	Nữ	24/12/2010			35	9.2	Tin	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.00	9.50	7.00	6.00
261	010261	14	LÊ PHẠM GIA	AN	Nữ	27/01/2010			40	9.2	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	8.75	9.50	5.75

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
262	010262	14	THÁI TRẦN MỸ AN	Nữ	14/03/2010			40	9.2	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.00	7.75	6.75
263	010263	14	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	13/10/2010			40	9.1	Văn	Ngô Lê Tân				7.50	5.25	6.00	6.75
264	010264	14	NGUYỄN NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	12/03/2010			40	8.7	Văn	Bùi Thị Xuân				8.00	8.25	9.50	7.50
265	010265	14	ĐỖ NGỌC ÁNH	Nữ	20/08/2010			25	8.5	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	7.75	7.50	7.25	6.25
266	010266	14	PHẠM BĂNG BĂNG	Nữ	14/01/2010			40	9.5	Văn	Võ Lai				8.50	7.25	7.00	5.75
267	010267	14	BÙI THỊ TRÚC BÌNH	Nữ	29/06/2010			40	8.9	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	7.50	9.25	6.00
268	010268	14	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	23/10/2010			10	8.1	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	7.25	8.50	4.75
269	010269	14	TRẦN QUANG DUY	Nam	17/04/2010			40	8.1	Văn	Bùi Thị Xuân				7.00	7.25	6.00	4.75
270	010270	14	LÊ ĐÀO ÁNH DƯƠNG	Nữ	18/05/2010			40	8.4	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	7.50	8.50	5.50
271	010271	14	NGUYỄN QUỐC DƯƠNG	Nam	06/01/2010			40	8.8	Văn	Bùi Thị Xuân				8.00	8.00	6.50	6.00
272	010272	14	BÙI THÙY DƯƠNG	Nữ	13/01/2010			40	9.4	Văn	Hùng Vương				6.50	6.75	9.25	6.75
273	010273	14	ĐINH VÕ THẢO DƯƠNG	Nữ	22/02/2010			30	7.9	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			7.75	5.25	8.75	5.25
274	010274	14	ĐỖ NHẬT MINH ĐAN	Nữ	18/03/2010			40	9.1	Văn	Bùi Thị Xuân				8.25	6.75	7.75	6.00
275	010275	14	THÁI TIẾN ĐẠT	Nam	12/11/2010			40	8.8	Văn	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Trường Tộ			8.00	10.00	7.75	6.25
276	010276	14	HUỲNH KHÁNH HÀ	Nữ	29/01/2010			40	8.8	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	8.75	8.50	5.75
277	010277	14	VÕ XUÂN HÀO	Nam	08/11/2010			25	8.5	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.00	7.00	7.00	5.00
278	010278	14	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	02/10/2010			40	9.2	Văn	Bùi Thị Xuân				8.25	9.00	9.50	6.00
279	010279	14	NGUYỄN TRẦN GIA HÂN	Nữ	18/10/2010			40	8.1	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn			8.25	7.00	7.75	6.00
280	010280	14	CAO TRƯỜNG NGỌC HÂN	Nữ	04/12/2010			40	8.7	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.50	9.75	6.25
281	010281	14	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	13/10/2010			40	9.3	Văn	Bùi Thị Xuân				8.25	8.75	9.75	6.25
282	010282	14	NGUYỄN NGỌC THẢO HIỀN	Nữ	20/04/2010			40	9.1	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	6.25	8.75	6.50
283	010283	14	NGUYỄN MỸ HIỆP	Nữ	28/08/2010			70	8.9	Văn	Nguyễn Diêu				8.25	7.75	7.75	6.75
284	010284	14	NGUYỄN THU HỒNG	Nữ	29/06/2010			40	8.7	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	6.25	7.50	6.50
285	010285	15	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	19/04/2010			35	8.8	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	6.25	5.00	4.50
286	010286	15	VÕ KHANG HY	Nam	11/01/2010			40	8.7	Văn	Bùi Thị Xuân				6.50	6.75	7.75	3.75
287	010287	15	ĐỖ THỊNH KHANG	Nam	09/02/2010			40	8.4	Văn	Hùng Vương				6.50	7.25	4.75	4.00
288	010288	15	VÕ HÀ MỸ KIỂU	Nữ	11/12/2010			40	9.3	Văn	Bùi Thị Xuân				6.50	6.50	6.75	8.00
289	010289	15	ĐOÀN PHẠM HOÀNG LAM	Nữ	26/04/2010			40	8.3	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	7.50	9.50	7.00
290	010290	15	NGÔ ĐA DIỆU LINH	Nữ	08/02/2010			50	9.4	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		8.75	9.50	9.75	7.75
291	010291	15	TRẦN HUỲNH PHƯƠNG LINH	Nữ	01/04/2010			40	8.4	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	9.00	8.50	5.00
292	010292	15	BÙI NGỌC HOÀNG LINH	Nữ	17/08/2010			40	9.0	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.25	8.75	7.00
293	010293	15	HÀ PHƯƠNG LINH	Nữ	15/01/2010			40	9.1	Văn	Nguyễn Hồng Đạo				6.00	7.00	8.75	6.75
294	010294	15	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	16/10/2010			40	9.2	Văn	Bùi Thị Xuân				6.50	7.75	8.75	6.00

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
295	010295	15	PHẠM TRẦN CÁT	LỢI	Nữ	22/05/2010			40	9.4	Văn	Nguyễn Hữu Quang				7.00	7.50	8.00	5.50
296	010296	15	TẠ THÙY XUÂN	MAI	Nữ	10/07/2010			10	7.3	Văn	Số 3 Phù Cát				6.25	6.50	5.00	5.50
297	010297	15	HUỶNH PHẠM TƯỜNG	MẠNH	Nam	24/07/2010			35	9.3	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	7.50	8.75	6.00
298	010298	15	NGUYỄN NHẬT	MINH	Nữ	11/04/2010			40	8.5	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			8.00	9.25	8.50	6.50
299	010299	15	NGÔ TRÀ	MY	Nữ	20/02/2010			40	9.0	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	7.75	8.75	6.00
300	010300	15	PHẠM TRÀ	MY	Nữ	27/01/2010			40	9.4	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	8.00	8.75	6.50
301	010301	15	NGUYỄN LY	NA	Nữ	29/04/2010			40	8.0	Văn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		8.50	5.75	4.25	6.00
302	010302	15	VÕ QUỲNH	NGA	Nữ	20/05/2010			40	9.3	Văn	Hùng Vương				7.75	8.25	9.25	4.50
303	010303	15	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NGA	Nữ	04/11/2010			40	8.5	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	8.25	9.50	7.50
304	010304	15	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀI	NGÂN	Nữ	15/01/2010			25	8.1	Văn	Bùi Thị Xuân				8.50	7.00	8.50	6.75
305	010305	15	TRẦN PHƯƠNG KHÁNH	NGÂN	Nữ	16/12/2010			50	9.1	Văn	Số 1 Phù Cát	Ngô Mây			8.00	8.50	7.25	7.00
306	010306	15	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NGỌC	Nữ	16/01/2010			40	8.8	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	8.50	9.50	6.00
307	010307	15	ĐỖ KHÁNH	NGỌC	Nữ	28/07/2010			40	8.4	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	8.50	8.75	5.50
308	010308	15	HUỶNH KIM	NGỌC	Nữ	15/11/2010			35	8.6	Văn	Số 3 Tuy Phước				8.00	6.75	7.00	5.50
309	010309	16	PHẠM NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	Nữ	23/07/2010			40	9.0	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.00	8.25	9.00	6.50
310	010310	16	LÊ ĐÀO KHÁNH	NHI	Nữ	30/01/2010			40	9.1	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.00	9.00	7.50
311	010311	16	TẠ NGỌC	NHI	Nữ	19/10/2010			40	9.0	Văn	Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.25	6.75	8.50	6.75
312	010312	16	NGUYỄN NỮ AN	NHIÊN	Nữ	21/02/2010			30	7.8	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.00	9.50	6.50
313	010313	16	UNG VÕ AN	NHIÊN	Nữ	21/10/2010			35	8.4	Văn	Bùi Thị Xuân				7.50	7.00	5.75	5.50
314	010314	16	KIỀU THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	02/03/2010			50	9.1	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn	7.75	8.25	9.25	7.00
315	010315	16	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	25/01/2010			35	8.7	Văn	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			7.25	7.75	8.25	6.50
316	010316	16	VƯƠNG HUỲNH THẾ	PHONG	Nam	12/09/2010			50	8.4	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.25	9.75	6.50
317	010317	16	ĐẶNG HUỲNH MINH	PHƯƠNG	Nữ	02/09/2010			35	8.6	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	8.50	7.75	6.25
318	010318	16	VÕ NGỌC TRÚC	PHƯƠNG	Nữ	07/02/2010			40	8.3	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	7.50	9.00	6.00
319	010319	16	NGUYỄN THỊ HIỀN	PHƯƠNG	Nữ	01/05/2010			40	8.4	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	8.50	9.00	3.00
320	010320	16	NGUYỄN AN	PHƯỚC	Nam	07/01/2010			40	7.7	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	8.75	9.25	4.50
321	010321	16	THÁI MINH	QUANG	Nam	10/05/2010			40	9.4	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			8.50	9.00	9.50	6.50
322	010322	16	NGUYỄN VÕ NHẬT	QUỲNH	Nữ	04/01/2010			40	9.3	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.00	9.25	7.00
323	010323	16	HUỶNH THỊ	SEN	Nữ	16/09/2010			40	9.1	Văn	Hùng Vương				7.00	4.25	8.50	5.75
324	010324	16	LÊ NGUYỄN MINH	TÂN	Nam	13/07/2010			35	8.9	Văn	Bùi Thị Xuân				7.00	8.00	7.00	5.50
325	010325	16	VÕ PHƯƠNG	THANH	Nữ	11/01/2010			40	9.0	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.50	9.50	6.75
326	010326	16	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	Nữ	25/08/2010			35	8.5	Văn	Bùi Thị Xuân				7.00	9.00	8.75	6.50
327	010327	16	NGUYỄN NGỌC VÂN	THÙY	Nữ	11/01/2010			40	9.5	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		7.25	6.25	8.25	6.50

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
328	010328	16	PHÙNG VŨ THANH	THÙY	Nữ	20/12/2010		40	8.8	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	8.25	9.50	7.50
329	010329	16	MANG DIỆP ANH	THƯ	Nữ	29/07/2010		30	8.3	Văn	Hùng Vương				7.75	6.00	6.00	5.75
330	010330	16	HÀ LÊ HOÀNG	THƯ	Nữ	10/04/2010		50	9.3	Văn	Số 1 Phú Cát	Ngô Mây			8.25	6.75	7.00	8.00
331	010331	16	LÊ NGỌC KHÁNH	THY	Nữ	24/02/2010		50	8.9	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.00	9.75	7.75
332	010332	16	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	THY	Nữ	25/11/2010		35	8.5	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	9.50	9.00	6.25
333	010333	17	NGUYỄN XUÂN KHÁNH	THY	Nữ	23/05/2010		40	9.1	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		7.50	5.00	7.50	5.50
334	010334	17	TRẦN HUYỀN	TRANG	Nữ	14/12/2010		40	8.7	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	8.50	9.50	5.50
335	010335	17	NGUYỄN CAO SƠN	TRÀ	Nữ	08/09/2010		25	8.8	Văn	Bùi Thị Xuân				7.00	6.75	6.00	4.50
336	010336	17	NGUYỄN LƯU BẢO	TRÂM	Nữ	08/06/2010		20	9.0	Văn	Hòa Bình				8.00	6.50	7.50	5.50
337	010337	17	TRẦN QUỲNH	TRÂM	Nữ	07/04/2010		40	9.0	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	7.00	8.75	5.00
338	010338	17	HỒ BẢO	TRẦN	Nữ	15/03/2010		40	8.8	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			7.25	8.25	9.00	7.00
339	010339	17	NGUYỄN LÊ BẢO	TRẦN	Nữ	16/11/2010		40	8.0	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	7.25	4.50	5.25
340	010340	17	BÙI NGỌC BẢO	TRẦN	Nữ	30/09/2010		40	8.5	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.25	8.75	5.00
341	010341	17	TRƯỜNG QUỐC	TRỊ	Nam	17/04/2010		35	9.2	Văn	Trung Vương	Trần Cao Văn			7.00	4.25	7.00	6.00
342	010342	17	PHẠM NGUYỄN TỔ	UYÊN	Nữ	09/05/2010		40	8.5	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	Trung Vương	8.50	7.50	7.00	6.00
343	010343	17	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	Nữ	08/07/2010		20	9.1	Văn	Hùng Vương				7.50	6.75	7.00	4.50
344	010344	17	BÙI LÊ XUÂN	VINH	Nữ	10/03/2010		60	8.9	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	7.00	9.00	7.00
345	010345	17	NGUYỄN TRƯỜNG YẾN	VY	Nữ	27/05/2010		40	9.2	Văn	Hùng Vương				8.00	6.75	9.00	6.00
346	010346	17	NGUYỄN HẢI	YẾN	Nữ	14/09/2010		40	8.3	Văn	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	7.75	9.25	6.00
347	010347	17	NGUYỄN HẢI	YẾN	Nữ	29/11/2010		60	9.6	Văn	Nguyễn Hữu Quang				8.00	7.00	8.75	7.00
348	010348	18	NGUYỄN HOÀI	AN	Nữ	03/01/2010		40	8.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.25	9.25	5.00
349	010349	18	NGUYỄN THANH	AN	Nữ	07/08/2010		60	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	9.25	9.25	8.10
350	010350	18	TRẦN NGỌC QUỲNH	ANH	Nữ	01/01/2010		40	9.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	6.75	8.25	4.40
351	010351	18	LA NGUYỄN QUỲNH	ANH	Nữ	19/04/2010		40	9.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	8.75	9.50	5.10
352	010352	18	HỒ NHẬT TRÂM	ANH	Nữ	21/02/2010		40	8.8	T.Anh	Bùi Thị Xuân				6.00	6.25	9.00	2.40
353	010353	18	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	07/11/2010		40	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.75	9.75	7.40
354	010354	18	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	BÁCH	Nam	27/09/2010		60	9.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	6.50	9.75	8.00
355	010355	18	TRẦN GIA	BẢO	Nam	06/02/2010		40	9.2	T.Anh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.00	5.50	8.75	5.00
356	010356	18	NGUYỄN PHÚC	BẢO	Nam	11/05/2010		40	9.4	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.50	9.00	3.90
357	010357	18	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	BĂNG	Nữ	31/07/2010		40	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.50	9.75	5.10
358	010358	18	LÊ HOÀNG MINH	CHÂU	Nữ	02/08/2010		40	9.0	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.00	9.75	6.00
359	010359	18	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	Nữ	29/01/2010		40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.00	9.25	6.00
360	010360	18	CAO NGUYỄN BẢO	CHÂU	Nam	27/10/2010		35	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương		7.50	9.00	9.75	7.60

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
361	010361	18	LÊ ĐỖ LINH	CHI	Nữ	02/08/2010			40	9.0	T.Anh	Hùng Vương				6.00	7.00	9.00	6.10
362	010362	18	TRẦN KHÁNH	CHI	Nữ	10/01/2010			40	9.4	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.00	9.75	5.50
363	010363	18	NGUYỄN THỊ MINH	DUNG	Nữ	15/05/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	10.00	9.75	8.40
364	010364	18	PHAN NGUYỄN HỒNG	DUYÊN	Nữ	13/05/2010			40	9.0	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học		8.00	8.50	9.75	5.50
365	010365	18	NGUYỄN NGỌC THÙY	DUƠNG	Nữ	24/01/2010			40	9.5	T.Anh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			8.00	7.75	9.75	5.30
366	010366	18	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	DUƠNG	Nữ	10/08/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	8.25	9.50	6.90
367	010367	18	TRẦN THÙY	DUƠNG	Nữ	31/08/2010			50	9.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.50	9.75	8.50
368	010368	18	NGUYỄN MINH	ĐAN	Nữ	25/07/2010			40	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.50	9.25	6.90
369	010369	18	TRẦN HÀ MINH	ĐĂNG	Nam	14/10/2010			40	9.2	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	8.00	9.75	4.20
370	010370	18	ĐÀO TRẦN HẢI	ĐĂNG	Nam	18/08/2010			40	9.4	T.Anh	Bùi Thị Xuân				5.75	8.50	9.75	5.70
371	010371	18	TRẦN NGỌC KHÁNH	HÀ	Nữ	16/03/2010			40	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	10.00	9.75	7.10
372	010372	19	TRẦN NHẬT	HÀ	Nữ	25/10/2010			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	10.00	9.75	6.30
373	010373	19	NGUYỄN GIA	HÂN	Nữ	01/06/2010			40	9.7	T.Anh	Nguyễn Hồng Đạo				8.75	8.25	9.75	4.00
374	010374	19	VÕ NGỌC	HÂN	Nữ	08/04/2010			40	9.4	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	8.00	9.25	5.30
375	010375	19	TRÌNH NGỌC GIA	HÂN	Nữ	30/01/2010			70	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			7.00	9.50	9.75	7.80
376	010376	19	TRẦN VŨ NGỌC	HÂN	Nữ	10/10/2010			40	9.2	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	7.25	7.75	9.50	5.70
377	010377	19	TRANG MINH	HẰNG	Nữ	04/03/2010			50	9.9	T.Anh	Bùi Thị Xuân				8.25	8.75	9.50	7.70
378	010378	19	NGUYỄN KHÁNH	HIỀN	Nữ	17/04/2010			40	10.0	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.75	9.75	6.20
379	010379	19	PHAN TRẦN THẢO	HIỀN	Nữ	25/01/2010			40	9.1	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		7.50	7.50	9.25	3.60
380	010380	19	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG	HIẾU	Nam	04/11/2010			40	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	6.75	8.50	9.75	5.60
381	010381	19	ĐINH KIỂU MAI	HOA	Nữ	26/06/2010			60	9.9	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			7.75	9.75	9.75	7.80
382	010382	19	TỔNG MAI	HOA	Nữ	19/09/2010			40	9.1	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.25	8.50	9.75	5.70
383	010383	19	VŨ NGỌC MINH	HOÀI	Nữ	11/03/2010			40	9.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	7.50	9.75	5.00
384	010384	19	TRƯƠNG MINH	HOÀNG	Nam	05/02/2010			25	8.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.00	8.75	9.50	3.50
385	010385	19	VÕ PHONG	HOÀNG	Nam	07/02/2010			35	9.7	T.Anh	Nguyễn Hồng Đạo				8.00	8.50	9.75	6.00
386	010386	19	PHẠM THIÊN	HOÀNG	Nam	22/06/2010			40	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.25	8.50	9.50	7.60
387	010387	19	ĐOÀN XUÂN	HỒNG	Nam	12/03/2010			40	9.1	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.50	10.00	2.70
388	010388	19	TẠ MINH	HUY	Nam	07/12/2010			35	8.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.25	7.00	9.50	4.20
389	010389	19	VÕ MINH	HUY	Nam	09/07/2010			40	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	9.00	9.75	6.60
390	010390	19	TRẦN QUANG	HUY	Nam	04/01/2010			25	8.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.00	9.50	5.20
391	010391	19	DUƠNG TRẦN QUỐC	HUY	Nam	13/05/2010			35	9.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		5.00	7.50	9.75	8.40
392	010392	19	ĐẶNG THÁI	KHANG	Nam	05/01/2010			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	7.50	9.75	7.90
393	010393	19	VÕ THỤY	KHANH	Nữ	16/09/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.50	9.75	7.30

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
394	010394	19	ĐỖ PHÍ QUỐC KHÁNH	Nam	19/05/2010			20	8.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	7.00	9.00	4.10
395	010395	19	TRẦN VĂN KHÁNH	Nữ	26/10/2010			40	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương		7.75	6.00	9.25	3.90
396	010396	20	PHẠM THẾ KHẢI	Nam	28/10/2010			35	8.9	T.Anh	Bùi Thị Xuân				7.00	5.00	10.00	3.30
397	010397	20	BÙI PHAN ANH KHOA	Nam	04/03/2010			60	9.9	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	9.00	9.75	6.70
398	010398	20	LƯƠNG QUANG KHOA	Nam	24/11/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	10.00	9.50	8.40
399	010399	20	HUỲNH NGỌC KHUÊ	Nữ	25/11/2010			40	9.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	9.00	9.75	3.10
400	010400	20	NGUYỄN LÊ ÁNH KIM	Nữ	09/08/2010			40	9.0	T.Anh	Bùi Thị Xuân				4.00	9.75	9.25	4.50
401	010401	20	PHAN LÊ THIÊN KIM	Nữ	17/03/2010			35	8.6	T.Anh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.00	9.00	8.00	2.80
402	010402	20	ĐỖ GIA LINH	Nữ	13/04/2010			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	9.00	9.25	5.10
403	010403	20	ĐỖ PHAN HÀ LINH	Nữ	17/05/2010			25	9.9	T.Anh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			8.00	7.25	9.75	5.60
404	010404	20	NGUYỄN TẠ THÙY LINH	Nữ	16/11/2010			40	9.3	T.Anh	Bùi Thị Xuân				7.50	7.75	9.75	6.10
405	010405	20	ĐỖ THANH MAI	Nữ	24/06/2010			40	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	9.00	9.75	7.40
406	010406	20	TẠ THANH MAI	Nữ	11/08/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.00	9.75	6.40
407	010407	20	QUYÊN TUYẾT MAI	Nữ	08/08/2010			40	9.4	T.Anh	Số 2 An Nhơn	Nguyễn Trường Tộ			8.50	8.50	9.75	5.70
408	010408	20	NGUYỄN LÊ TÂM MINH	Nữ	10/06/2010			40	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		6.50	8.25	9.50	5.20
409	010409	20	HUỲNH NGỌC HÀ MY	Nữ	11/06/2010			70	9.9	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			7.50	9.50	9.75	8.10
410	010410	20	HỒ NGUYỄN QUỲNH MY	Nữ	16/01/2010			40	9.2	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	6.00	9.75	3.80
411	010411	20	NGUYỄN THỊ HOÀNG MY	Nữ	16/11/2010			40	8.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.75	9.50	3.90
412	010412	20	ĐƯỜNG ĐỖ KIM NGÂN	Nữ	03/06/2010			40	9.7	T.Anh	Bùi Thị Xuân				7.00	7.75	9.75	6.40
413	010413	20	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	Nữ	17/06/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.50	9.75	6.20
414	010414	20	HỨA ĐÔNG NGHI	Nữ	04/01/2010			40	9.8	T.Anh	Hùng Vương				7.50	8.00	9.75	7.70
415	010415	20	LÝ VIỄN GIA NGHI	Nữ	08/01/2010			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	8.50	9.75	6.40
416	010416	20	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Nam	14/01/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	8.75	9.75	7.60
417	010417	20	PHẠM TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	06/05/2010			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	9.00	9.50	6.40
418	010418	20	VÕ HẠNH NGUYỄN	Nữ	18/03/2010			40	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	9.25	9.25	7.30
419	010419	20	PHẠM KHÔI NGUYỄN	Nam	25/07/2010			35	9.0	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	PQ	PQ	PQ	PQ
420	010420	21	NGÔ PHƯƠNG THẢO NGUYỄN	Nữ	28/12/2009			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		8.50	8.50	9.75	6.70
421	010421	21	NGUYỄN QUỐC NGUYỄN	Nam	30/08/2010			40	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	10.00	9.75	6.70
422	010422	21	PHAN VŨ HẠNH NGUYỄN	Nữ	06/11/2010			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	8.00	9.50	5.90
423	010423	21	TRẦN GIA NHẬT	Nữ	22/02/2010			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.75	8.75	9.75	6.30
424	010424	21	NGUYỄN KIỀU NHƯ	Nữ	08/02/2010			40	9.5	T.Anh	Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	8.00	9.25	5.80
425	010425	21	HOÀNG TÙNG NGỌC NHƯ	Nữ	17/05/2010			40	9.2	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.50	9.50	5.00
426	010426	21	PHAN TRƯỜNG TA NY	Nữ	25/04/2010			70	9.9	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.00	8.25	9.75	7.20

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
427	010427	21	LỮ THỊ PHƯƠNG	OANH	Nữ	22/02/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.25	9.75	6.10
428	010428	21	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	04/02/2010			70	9.9	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		7.25	8.75	9.50	7.90
429	010429	21	TRẦN ĐÌNH MẠNH	PHONG	Nam	14/06/2010			40	9.4	T.Anh	Số 1 Phú Cát	Ngô Mây			7.50	8.25	9.00	4.00
430	010430	21	TRẦN MINH	PHÚ	Nam	07/06/2010			40	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.25	9.00	9.75	8.00
431	010431	21	NGUYỄN LÊ HOÀNG	PHÚC	Nữ	10/06/2010			15	9.0	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	7.50	9.75	3.50
432	010432	21	HOÀNG THIÊN	PHÚC	Nam	09/05/2010			60	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.50	9.25	8.10
433	010433	21	LÊ MINH	PHƯƠNG	Nữ	20/06/2010			70	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			8.25	8.75	9.75	8.00
434	010434	21	HUỶNH MINH	PHƯỚC	Nam	04/01/2010			30	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	7.50	9.75	7.40
435	010435	21	VÕ NGỌC KHÁNH	QUỲNH	Nữ	16/03/2010			40	9.2	T.Anh	Hùng Vương				7.50	8.50	9.75	6.50
436	010436	21	VÕ PHAN NHƯ	QUỲNH	Nữ	03/04/2010			40	9.9	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			7.50	8.75	9.50	7.60
437	010437	21	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	QUỲNH	Nữ	01/06/2010			40	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.75	9.75	5.00
438	010438	21	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	QUỲNH	Nữ	08/03/2010			40	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.50	10.00	5.20
439	010439	21	HOÀNG THÁI	SƠN	Nam	20/01/2010			40	9.4	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	7.50	9.50	5.70
440	010440	21	LÊ NGỌC ĐAN	THANH	Nữ	12/01/2010			40	9.1	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.50	9.50	4.50
441	010441	21	NGUYỄN THỊ THANH	THANH	Nữ	16/01/2010			35	9.1	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	7.75	9.25	3.80
442	010442	21	LÊ MAI	THẢO	Nữ	14/06/2010			40	9.6	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	9.50	9.50	2.90
443	010443	21	LÊ NGUYỄN THANH	THẢO	Nữ	18/01/2010			60	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.50	9.50	8.00
444	010444	22	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	Nữ	01/02/2010			40	8.7	T.Anh	Số 1 Phú Cát	Ngô Mây			7.50	7.25	7.00	2.10
445	010445	22	PHAN THANH	THẢO	Nữ	24/12/2010			40	9.0	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	7.00	8.75	9.75	4.30
446	010446	22	HOÀNG NGỌC ANH	THI	Nữ	13/09/2010			40	8.9	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	6.75	6.25	9.75	4.40
447	010447	22	LÊ THỊ THANH	THỦY	Nữ	24/01/2010			50	9.8	T.Anh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.75	7.75	9.50	7.50
448	010448	22	ĐỖ NGUYỄN HOÀI	THƯ	Nữ	21/01/2010			40	9.6	T.Anh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.25	8.00	9.00	4.50
449	010449	22	PHÙNG NGUYỄN PHƯƠNG	THƯ	Nữ	04/10/2010			40	9.2	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.50	9.75	7.20
450	010450	22	TRẦN BẢO	TIỀN	Nữ	18/07/2010			40	9.4	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.25	9.75	5.50
451	010451	22	VÕ THÀNH	TÍN	Nam	21/03/2010			40	8.3	T.Anh	Hòa Bình				6.75	6.75	8.75	3.60
452	010452	22	LÊ HUỶNH PHƯƠNG	TRANG	Nữ	26/07/2010			40	8.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học		7.00	8.00	9.50	5.00
453	010453	22	NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	Nữ	14/01/2010			40	9.3	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	7.50	8.75	2.60
454	010454	22	NGUYỄN BẢO	TRÂM	Nữ	10/01/2010			40	9.8	T.Anh	Số 1 Tuy Phước				8.00	8.00	7.75	3.40
455	010455	22	BÙI NGỌC BẢO	TRÂM	Nữ	15/06/2010			40	9.1	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		7.75	7.75	9.25	2.70
456	010456	22	NGUYỄN TRẦN NGỌC	TRÂM	Nữ	16/08/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	9.00	9.75	6.10
457	010457	22	TRẦN NGỌC	TRÂN	Nữ	07/12/2010			25	8.9	T.Anh	Trung Vương	Trần Cao Văn			7.00	7.75	8.50	5.00
458	010458	23	NGUYỄN THANH	TRIẾT	Nam	27/02/2010			40	9.7	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	7.25	8.25	9.50	5.20
459	010459	23	ĐẶNG CAO AN	TRÍ	Nam	25/03/2010			60	9.8	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			8.25	10.00	9.50	8.10

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
460	010460	23	NGÔ XUÂN TRỌNG	TRÍ	Nam	02/01/2010		40	9.4	T.Anh	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.50	7.25	9.00	4.30
461	010461	23	TRẦN KIM	TUYỂN	Nữ	17/03/2010		40	9.3	T.Anh	Số 1 Phù Cát	Ngô Mây			8.25	8.00	9.75	5.80
462	010462	23	NGUYỄN MAI TUẤN	TÚ	Nam	10/05/2010		40	9.0	T.Anh	Hùng Vương				6.50	6.50	9.50	4.10
463	010463	23	TRẦN NHƯ CÁT	TƯỜNG	Nữ	09/05/2010		70	9.5	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương			8.00	9.00	9.75	8.10
464	010464	23	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	Nữ	09/04/2010		40	9.3	T.Anh	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			8.00	9.00	9.75	5.00
465	010465	23	ĐUỠNG ĐỖ ANH	VŨ	Nam	23/07/2010		40	9.4	T.Anh	Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	9.50	9.25	3.30
466	010466	23	LÝ TƯỜNG	VY	Nữ	15/06/2010		40	9.1	T.Anh	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương		6.25	7.25	9.50	5.10
467	010467	23	NGUYỄN TƯỜNG	VY	Nữ	06/01/2010		40	9.5	T.Anh	Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.50	9.75	6.20
468	010468	23	LÂM THÁI THANH	Ý	Nữ	17/11/2010		50	9.8	T.Anh	Số 1 An Nhơn	Nguyễn Đình Chiểu			7.25	9.00	9.75	7.50
469	010469	24	LÊ ĐỨC	ANH	Nam	14/12/2010		15	9.4	L.Sử	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn		5.00	7.00	6.25	3.75
470	010470	24	NGUYỄN VŨ VÂN	DŨNG	Nam	25/07/2010		40	9.1	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn		6.75	8.25	8.50	8.25
471	010471	24	ĐÀO TƯỜNG	GIANG	Nữ	03/08/2010		35	8.9	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	6.50	8.50	6.00
472	010472	24	HOÀNG NGỌC GIA	HÂN	Nữ	22/12/2010		40	8.6	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	7.75	8.00	6.75
473	010473	24	LÊ CÔNG TUẤN	HOÀNG	Nam	29/10/2010		25	8.4	L.Sử	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.00	7.25	8.75	7.00
474	010474	24	NGÔ MINH	KHANG	Nam	08/01/2010		40	9.9	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	8.25	9.00	6.50
475	010475	24	NGUYỄN NGUYỄN	KHANG	Nam	21/01/2010		40	9.4	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.25	9.50	7.00
476	010476	24	VÕ THUỶ	KHANG	Nam	20/08/2010		15	8.6	L.Sử	Trung Vương	Trần Cao Văn			7.25	6.75	9.25	5.50
477	010477	24	LƯƠNG THIÊN	KHIÊM	Nam	29/04/2010		40	8.6	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	10.00	8.75	7.75
478	010478	24	NGUYỄN ANH	KHOA	Nam	01/11/2010		35	9.6	L.Sử	Trung Vương	Trần Cao Văn			6.00	6.75	8.25	4.00
479	010479	24	VÕ PHƯƠNG	LINH	Nữ	17/11/2010		25	8.4	L.Sử	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		6.00	7.25	5.50	7.00
480	010480	24	PHẠM THẢO QUỲNH	MAI	Nữ	10/07/2010		40	9.3	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học	8.50	7.50	9.25	6.75
481	010481	24	BÙI PHAN TUỆ	MÃN	Nữ	12/07/2010		40	9.1	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Nguyễn Thái Học		7.00	7.75	8.00	7.50
482	010482	24	NGUYỄN THẢO	NGÂN	Nữ	09/03/2010		40	9.1	L.Sử	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		8.25	6.75	8.50	7.00
483	010483	25	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	Nữ	17/06/2010		40	9.0	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	7.75	7.75	6.50
484	010484	25	LÊ NGỌC TÂM	NHƯ	Nữ	09/01/2010		15	8.5	L.Sử	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	Quốc học Q. Nhơn	7.25	7.25	7.25	3.75
485	010485	25	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	QUYÊN	Nữ	24/05/2010		35	9.4	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	6.00	6.50	3.50
486	010486	25	NGUYỄN CHU TÚ	QUỲNH	Nữ	21/07/2010		10	8.3	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.50	7.25	7.75	2.25
487	010487	25	VÕ NGỌC ĐAN	THANH	Nữ	09/08/2010		40	9.0	L.Sử	Số 1 Tuy Phước	Xuân Diệu			7.50	7.00	9.50	6.00
488	010488	25	LƯƠNG KHÁNH	THÀNH	Nam	21/12/2010		15	8.4	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.00	7.50	5.00
489	010489	25	NGUYỄN DUY	THẮNG	Nam	14/07/2010		40	8.7	L.Sử	Bùi Thị Xuân				7.00	7.75	7.25	2.50
490	010490	25	NGUYỄN VIỆT	THẮNG	Nam	18/05/2010		40	8.7	L.Sử	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		7.00	6.75	8.00	7.50
491	010491	25	THỐI QUANG	TIẾN	Nam	01/01/2010		10	7.8	L.Sử	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		6.75	6.50	6.75	5.00
492	010492	25	ĐUỠNG THUY	TRANG	Nữ	12/07/2010		60	9.3	L.Sử					6.00	7.25	6.50	7.25

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
493	010493	25	TRẦN THỊ BẢO TRÚC	Nữ	25/10/2010			10	8.7	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học	6.50	6.50	8.25	0.00
494	010494	25	HOÀNG LAN TUỆ	Nữ	20/07/2010			20	8.9	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương			6.75	6.50	7.50	5.00
495	010495	25	TRẦN QUỐC VINH	Nam	06/08/2010			25	9.6	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.00	6.50	7.25	5.50
496	010496	25	NGUYỄN HOÀNG YẾN	Nữ	05/04/2010			15	8.4	L.Sử	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	5.75	6.75	6.50	3.00
497	010497	26	NGÔ HOÀI AN	Nữ	29/10/2010			25	8.3	Địa lí	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		7.75	7.25	7.75	5.75
498	010498	26	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG ANH	Nữ	21/09/2010			15	9.2	Địa lí	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học	Trần Cao Văn	Quốc học Q. Nhơn	7.25	7.00	7.00	3.00
499	010499	26	TRẦN ĐỨC HOÀI ANH	Nam	06/05/2010			40	9.1	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.50	8.50	9.00	8.50
500	010500	26	TRƯỜNG TRẦN KHANG ANH	Nam	30/07/2010			35	8.6	Địa lí	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		5.25	4.75	8.25	3.50
501	010501	26	VĂN TRỌNG BÁCH	Nam	13/07/2010			35	8.5	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	7.00	8.75	7.50
502	010502	26	NGUYỄN LÊ THANH BÌNH	Nữ	23/09/2010			40	8.6	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	7.00	8.25	7.75
503	010503	26	TRẦN TẤN ĐẠT	Nam	19/01/2010			25	8.8	Địa lí	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		7.50	8.25	7.75	9.50
504	010504	26	CAO THÀNH ĐẠT	Nam	27/09/2010			35	9.4	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.25	7.50	8.25	6.00
505	010505	26	ĐỖ TRẦN BÁC HÀ	Nam	12/08/2010			25	9.0	Địa lí	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học			6.50	7.25	8.00	6.50
506	010506	26	TRẦN MINH HẠNH	Nữ	18/07/2010			40	9.3	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.50	7.50	9.00	8.50
507	010507	26	LÊ HUỲNH NHẬT HIẾU	Nam	11/07/2010			35	9.8	Địa lí	Trần Cao Văn	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học	Quốc học Q. Nhơn	8.50	8.00	8.50	6.25
508	010508	26	VĂN THANH HOÀNG	Nam	06/09/2010			40	9.8	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.75	9.00	6.50
509	010509	26	NGUYỄN TRẦN MINH KHA	Nam	05/02/2010			40	8.2	Địa lí	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	Quốc học Q. Nhơn	7.25	6.75	8.75	5.50
510	010510	26	NGUYỄN AN KHANG	Nam	19/10/2010			40	9.4	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học	7.50	7.50	8.00	7.25
511	010511	26	PHẠM NGUYỄN NGÂN KHÁNH	Nữ	12/11/2010			20	8.7	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	7.50	8.50	5.50
512	010512	26	NGUYỄN TRỌNG KHẢI	Nam	10/10/2010			40	9.8	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.00	7.50	8.75	9.25
513	010513	26	TRẦN NGỌC KHOA	Nam	13/02/2010			25	9.2	Địa lí	Bùi Thị Xuân				6.75	7.00	8.00	2.00
514	010514	26	ĐỖ HOÀNG LÂM	Nam	05/10/2010			40	8.9	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	7.25	9.25	8.00
515	010515	26	LÊ HUỲNH LONG	Nam	18/02/2010			40	8.9	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.25	4.50	8.75	5.00
516	010516	26	ĐOÀN HOÀNG TRÀ MY	Nữ	08/11/2010			15	8.8	Địa lí	Trưng Vương	Nguyễn Thái Học			5.50	6.25	8.50	3.50
517	010517	26	PHẠM HOÀI NAM	Nam	15/08/2010			35	8.6	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	8.25	8.00	9.00	7.50
518	010518	26	VŨ NGUYỄN THANH NGÂN	Nữ	23/03/2010			35	9.2	Địa lí	Bùi Thị Xuân				7.75	6.75	8.25	7.00
519	010519	26	TRẦN THÚY NGÂN	Nữ	18/04/2010			35	9.6	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn		8.00	7.50	9.00	8.00
520	010520	26	ĐỖ TRẦN BẢO NGHI	Nữ	12/12/2010			35	9.1	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	6.75	9.00	6.50
521	010521	27	VŨ NGỌC ĐÔNG NHI	Nữ	17/04/2010			35	9.0	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.25	6.75	7.50	5.00
522	010522	27	TRẦN LÊ NGUYỄN THẢO	Nữ	14/07/2010			40	8.4	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn		5.50	6.75	9.25	5.00
523	010523	27	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	Nữ	11/05/2010			40	9.4	Địa lí	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		8.25	8.00	9.25	7.00
524	010524	27	NGUYỄN PHƯỚC NHÃ TIÊN	Nữ	27/03/2010			30	9.5	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.75	7.75	8.25	5.50
525	010525	27	TRƯỜNG ĐỨC TOÀN	Nam	11/08/2010			35	8.6	Địa lí	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	Quốc học Q. Nhơn	Trưng Vương	6.75	5.00	8.75	5.00

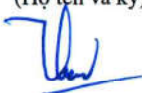
STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
526	010526	27	HỒ BẢO TRÂN	Nữ	06/07/2010			40	8.3	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn			7.25	8.50	9.25	6.75
527	010527	27	NGUYỄN ĐẶNG BẢO TRÂN	Nữ	05/12/2010			40	9.3	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.75	7.25	9.25	6.25
528	010528	27	NGUYỄN NỮ TÂM UYÊN	Nữ	15/11/2010			40	9.1	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	6.50	7.75	9.50	5.75
529	010529	27	LÊ VÕ ÁI VÂN	Nữ	28/10/2010			40	9.9	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học		8.00	7.25	8.00	7.50
530	010530	27	ĐẶNG HOÀNG KHÁNH VY	Nữ	16/05/2010			10	8.3	Địa lí	Trung Vương	Trần Cao Văn			7.25	7.00	5.75	5.00
531	010531	27	BÙI NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	25/03/2010			35	8.8	Địa lí	Quốc học Q. Nhơn	Trung Vương	Trần Cao Văn	Nguyễn Thái Học	7.00	8.25	9.00	5.00

NGƯỜI IN BẢNG ĐIỂM
(Họ tên và ký)



Trần Xuân Hoàng

NGƯỜI ĐỌC SOÁT BẢN IN
(Họ tên và ký)



Phan Thanh Liêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Võ Ngọc Sỹ

